

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2025/DS-ST
Ngày: 24-7- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Phương Trang;

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9
- Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* bà Bùi Thị Thu Thảo.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 1141/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Hàng Thị N, sinh năm 1979 – có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: số đường A, đường B, phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* ông Đồng Đăng C, sinh năm 1974 – vắng mặt.

Địa chỉ thường trú số: đường M, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ số: đường H, phường B2, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B2, Thành phố Hồ Chí Minh)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 – có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ số: đường A, đường B, phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh(nay là phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hàng Thị N trình bày:

Bà N cho ông Đồng Đăng C vay 160.000.000 đồng, ông C có ký giấy vay tiền vào ngày 10/01/2024, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và không thỏa thuận lãi. Bà N đã giao đủ tiền cho ông C bằng tiền mặt.

Khi cho ông C vay tiền Bà N không nói cho chồng là ông Nguyễn Văn H1 biết, nhưng sau đó bà có nói cho ông H1. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà.

Thấy lâu ông C không trả tiền và cũng không liên hệ được nên ngày 20/6/2024 bà có làm Thông báo đòi tiền gửi cho ông Đồng Đăng C nhưng đến nay ông C không trả.

Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đồng Đăng C trả cho bà số tiền gốc là 160.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đồng Đăng C trả tiền lãi.

Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày: ông và Bà N là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cấp ngày 07/02/2002. Tại thời điểm Bà N cho ông C mượn tiền thì ông không biết, nhưng sau đó Bà N có nói cho ông nghe là Bà N cho ông C mượn tiền, đây là tài sản chung của vợ chồng ông. Nay Bà N yêu cầu ông Đồng Đăng C trả số tiền 160.000.000 đồng ông đồng ý. Ông đề nghị Tòa án tuyên buộc trả cho Bà N số tiền nêu trên, ông và Bà N sẽ tự giải quyết sau về số tiền và ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác

Bị đơn là ông Đồng Đăng C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Hàng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Đồng Đăng C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Hàng Thị N khởi kiện yêu cầu ông Đồng Đăng C trả tiền đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Đồng Đăng C có nơi cư trú tại số đường M, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đồng Đăng C vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàng Thị N yêu cầu ông Đồng Đăng C trả số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 10/01/2024 ông Đồng Đăng C có vay của bà Hàng Thị N số tiền 160.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên xác định giao dịch vay tiền giữa Bà N và ông C là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS). Theo quy định này thì Bà N có quyền đòi lại tài sản bất cứ khi nào nhưng phải báo cho nhau biết trước, do đó ngày 20/6/2024 Bà N đã gửi Thông báo đòi tiền cho ông C, yêu cầu ông C trả "*chậm nhất là hết ngày 30 tháng 6 năm 2024*". Tuy nhiên cho đến nay ông C vẫn không trả, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bà N. Vì vậy Bà N khởi kiện yêu cầu ông C trả 160.000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 BLDS nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Hàng Thị N được chấp nhận nên bị đơn ông Đồng Đăng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Hàng Thị N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị N.

1.1. Buộc ông Đồng Đăng C trả cho bà Hàng Thị N số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 10/01/2024.

1.2. Kể từ ngày bà Hàng Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đồng Đăng C vẫn chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đồng Đăng C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Đồng Đăng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Hàng Thị N số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 43635 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV9 TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm